

TOÁT YẾU VÀ CHÚ GIẢI DẪN NHẬP (§§111-131)

-----o0o-----

CHƯƠNG II: TRI GIÁC

TOÁT YẾU

111. Sự xác tín cảm tính “muốn” nắm bắt “cái Đây” trực tiếp, cá biệt, nhưng như đã thấy, đối tượng đúng thật của nó là **cái phổ biến**. Sự tri giác, ở cấp độ cao hơn, lấy cái phổ biến này làm đối tượng, nhưng vẫn **chưa** thấy cái phổ biến là yếu tố bản chất trong đối tượng của nó, mà chỉ có **ta**, nhà quan sát hiện tượng học, mới thấy cái phổ biến là yếu tố bản chất và là **kết quả** tất yếu của giai đoạn trước. Còn đối với **bản thân** sự tri giác, yếu tố bản chất vẫn lại là chính đối tượng, giống như trong sự xác tín cảm tính. Đối tượng là yếu tố bản chất, độc lập, bền vững, trong khi sự tri giác là không-bản chất, phụ thuộc, khả biến. (Đối tượng – cái Bản chất – đứng vững với việc có được tri giác hay không). Tri giác **không** thấy rằng cả chủ thể lẫn đối tượng đều là các hình thức không-bản chất như nhau, trong đó một cái phổ biến vận hành.
112. Tuy nhiên, đối tượng chỉ có thể là một **cái phổ biến** trong chừng mực nó hợp nhất nhiều yếu tố **phân biệt** với nhau, tức nhiều **thuộc tính (Eigenschaften)**. Đối tượng của tri giác thực sự được mang lại với sự phong phú nội tại về nội dung, hơn hẳn đối tượng của sự xác tín trực tiếp, vì mang trong lòng nó “sự phủ định⁽¹⁾, sự phân biệt hay tính đa tạp” [tính phổ biến là vô nghĩa nếu không có tính đặc thù và tính cá biệt bên trong nó].
113. “Sự vật” của tri giác là được mang lại một cách “cảm tính” (sinnlich), nhưng cái “cảm tính” này có tính phổ biến, nghĩa là, xuất hiện ra trong hình thức của một “**thuộc tính**” [vd: vị chua của quả chanh là một “thuộc tính phổ biến” có chung cho nhiều loại trái cây]. Vậy, cái cảm tính được “**vượt bỏ**” (**aufgehoben**) (theo nghĩa vừa bị phủ định, vừa được bảo lưu) ở trong sự vật được tri giác. Nhưng, tính phổ biến của tri giác cũng tất yếu phân hóa thành một số lượng những thuộc tính **loại trừ** nhau, đồng thời chúng được **tập hợp chung lại**. Cấu trúc của nó mang sự xung đột nội tại. Nhìn từ một góc độ, sự vật là một **nhất thể** tuyệt đối trong không gian-thời gian, tập hợp các thuộc tính, là cái Một bên cạnh những cái Một

⁽¹⁾ **Sự phủ định**: Xem: Chú giải dẫn nhập: 3.4.3.2.

khác. Nhưng, nhìn từ góc độ khác, nó **phân hóa** thành nhiều thuộc tính phân biệt nhau; mỗi thuộc tính có thể được xem như tồn tại tự-mình và cho-mình.

114. Cái “**Cũng**” lỏng lẻo của một “môi trường” chung không tạo nên được tính quy định nên dẫn đến mặt **đối lập** là một **tính nhất thể tuyệt đối** loại trừ triệt để cái khác ra khỏi nó. Cái nhất thể tuyệt đối này có thể được gán cho các thuộc tính hoặc có thể gán cho sự vật, xét như sự vật. Có vẻ như ta có nhiều sự lựa chọn: một tập hợp [lỏng lẻo] các thuộc tính, hoặc một nhất thể chặt chẽ của nhiều thuộc tính, hoặc cả hai.
115. Sự vật được tri giác thể hiện một sự “dung hòa” khó khăn giữa **ba** lựa chọn: (a) một số lượng các thuộc tính kết hợp lỏng lẻo và bổ sung nhau ở trong sự vật (cái “**Cũng**” của nhiều thuộc tính); (b) sự vật như là một nhất thể trong không gian-thời gian, là cái “**Một**” loại trừ; (c) các thuộc tính được xét như những cái phổ biến thuần túy có chỗ đứng ở bên ngoài sự vật cá biệt.
116. Tiến trình biện chứng chuyển sang bước ngoặt: đối tượng của sự tri giác là một sự pha trộn lạ lùng này giữa tính “tập hợp” và tính “tách rời”, trong khi chủ thể nhìn nó như là bền vững và đồng nhất về bản chất. Vậy, mọi điểm xuất phát từ tính “**đồng nhất với chính mình**” (*Sichselbstgleichheit*) nơi sự vật là thuộc về phía chủ thể, là “ảo tưởng lâm lạc” của chủ thể, chứ không thể tìm thấy ở nơi đối tượng. [Tính tự-đồng nhất nơi sự vật là sự “xác tín” của chủ thể tri giác, đồng thời là **tiêu chuẩn** để kiểm tra tính chân lý của sự xác tín ấy].
117. Trước đây, chỉ có **ta**, người quan sát, mới nhận ra những mâu thuẫn ở bên trong đối tượng. Nay, qua sự tự vận động biện chứng, đến phiên ý thức [tri giác] cũng nhận ra mâu thuẫn này. Thoạt đầu, đối tượng tự trình diện như là một nhất thể thuần túy, nhưng các thuộc tính đều có tính phổ biến và có thể tồn tại ở bên ngoài nó. Vì thế, tính nhất thể của đối tượng là ảo tưởng hay sai lầm của **tôi**, còn đối tượng thật ra chỉ là một sự kết hợp của các cái phổ biến. Tuy nhiên, trong một sự kết hợp lỏng lẻo như thế, các thuộc tính không thực sự được tập hợp để trở thành loại trừ nhau; do đó, đối tượng lại phải trở thành một nhất thể thuần túy, còn các thuộc tính chỉ đơn thuần là các phương diện của nó. Nhưng, các thuộc tính lại đứng vững với nhau khiến cho tính nhất thể của đối tượng lại tiêu biến đi một lần nữa. Bây giờ, các thuộc tính trở nên hoàn toàn tách rời nhau, không còn đối lập với cái gì cả; và như thế, **không còn** là các thuộc tính nữa. Chúng ta bị đẩy lùi lại cái “tồn tại thuần túy” của sự xác tín cảm tính.
118. ý thức lặp lại toàn bộ vòng tuần hoàn, nhưng có chỗ **khác** với trước đây. Nó ý thức về tính không-đúng thật của mọi tri giác và gán tính không-đúng thật này cho bản thân mình, nhưng đồng thời có ý thức về năng lực **điều chỉnh** tri giác và tìm đến **tính thực tại** trần trụi ở **đằng sau** tri giác

và xem hình ảnh được điều chỉnh này là **của** chính mình [sự phản tư].

119. Trong tinh thần ấy, ý thức phát triển lý luận hay học thuyết về những thuộc tính “hạng nhất” và những thuộc tính “hạng nhì”*. Theo đó, **bản thân** đối tượng được quan niệm như là cái Một đơn giản, nhưng sở dĩ được tri giác với nhiều thuộc tính là do chúng tác động vào các giác quan khác nhau của ta: tai, mắt, lưỡi v.v.. Bây giờ, chính **cái Tôi-có-ý-thức** trở thành “môi trường” chung, trong đó mọi phương diện cảm tính của sự vật được tập hợp chung lại.
120. Bước phát triển biện chứng mới sẽ cho thấy, nếu sự vật được quan niệm như cái Một tuyệt đối, nó ắt sẽ không thể phân biệt với những sự vật khác được nữa. Tất cả đều là những “đơn vị” hoàn toàn trần trụi và không thể phân biệt với nhau được. Một sự vật chỉ là sự vật khi nó có các thuộc tính **riêng** của chính nó. Thế nhưng, mỗi thuộc tính, trong trường hợp ấy, lại có sự tồn tại tách biệt và sự vật trở lại là một tập hợp lỏng lẻo của các thuộc tính: hạt muối là trắng và **cũng** là mặn và **cũng** là vuông v.v..
121. Bây giờ, thay vì gán tính đa tạp của **những thuộc tính** của sự vật cho chính mình với tư cách cái Tôi chủ quan, ý thức biến sự vật thành một cái **CŨNG** nội tại, tức sự vật là một tập hợp các thuộc tính, hay các “chất liệu tự do” [thuật ngữ của môn Vật lý học đương thời], trong khi đó, **tính nhất thể** của đối tượng là “sản phẩm tưởng tượng” do phía ý thức chịu trách nhiệm.
122. Ý thức đã luân phiên phạm sai lầm; nó “thăm mệt” khi đứng ra chịu trách nhiệm trước các sai lầm ấy và đi đến chỗ “trải nghiệm” rằng: Bản thân Sự việc (như là sự vật đã được **phản tư** vào trong chính nó) có tính đa tạp của các phương diện **độc lập** nhau này **trong** chính sự vật. Sự vật ở phương diện này tự cho thấy là một nhất thể nền tảng, nhưng ở phương diện khác, là một tập hợp lỏng lẻo của các thuộc tính.
123. Sự giao động giữa hai tính chất bây giờ được gán cho đối tượng. Nhưng từ đó lập tức nảy sinh tình hình mới: đối tượng tiếp tục được xem là cái Một nền tảng, trong khi tính đa tạp của nó về các phương diện là do mối quan hệ của đối tượng – không còn với ý thức nữa – mà **với những đối tượng khác**, khiến đối tượng phải có nhiều cách đáp ứng khác nhau.
124. Tuy nhiên, thật phi lý khi những sự vật không có **các dị biệt nội tại** lại cho

* Ở đây, **Hegel** ám chỉ sự phân biệt của **John Locke** (1632-1704) trong tri giác cảm tính giữa những thuộc tính **hạng nhất** vốn thuộc về bản thân sự vật (vd: quảng tính, hình thể, tỉ trọng, con số...) và những thuộc tính **hạng nhì** có tính chủ quan của chủ thể tri giác như màu sắc, mùi vị... (Xem: **J.Locke: Essay concerning Human Understanding**/Thử nghiệm cứu về Giác tính con người).

thấy có sự dị biệt ở trong quan hệ đơn thuần với những sự vật cũng không có các dị biệt nội tại khác. Do đó, ta buộc phải khẳng định một **sự phân biệt (Unterschied) nội tại** có tính **bản chất** đối với đối tượng, và một **sự dị biệt (Verschiedenheit) ngoại tại** với những sự vật khác; sự dị biệt này là kết quả **không-bản chất** của cái trước. **Những sự vật sở dĩ dị biệt nhau bên ngoài là vì chúng phân biệt nhau bên trong.**

125. Nhưng, ta lại không thể phân biệt giữa hai tính chất này. **“Tính cách tuyệt đối” (absoluter Charakter)** của sự vật dường như cũng giống như mối quan hệ của nó với những sự vật khác và ngược lại.
126. Cũng thế, sự **tự**-quan hệ tuyệt đối của sự vật phủ định mọi cái khác cũng tự cho thấy không gì khác hơn là mối quan hệ xuyên suốt với những cái khác.
127. Mối quan hệ bên ngoài cũng là tất yếu, do đó cũng chính là cái bên trong.
128. Ta không thể rút ra những sự phân biệt chính xác giữa “đối tượng như tồn tại nội tại” với “đối tượng như nó đang ở trong quan hệ với những sự vật khác”. Cái trước **là** cái sau; cái sau **là** cái trước (“trong một và cùng một phương diện, đối tượng là cái đối lập của chính nó; nó là cho-mình, **trong chừng mực** là cho-cái khác; và cho-cái khác, **trong chừng mực** là cho-mình”). Ta **chỉ có một sự phân biệt mà không có một sự dị biệt**, nghĩa là, chỉ có một sự phân biệt trên ngôn từ, theo “tư kiến” và “mong muốn” riêng.
129. Như thế, sự vật đã được **vượt bỏ** về bản chất như trước đây đã được vượt bỏ về phương diện cảm tính. Cái “cảm tính” **đã** tự bộc lộ như là **tính phổ biến thuần túy**; và bây giờ, tính phổ biến này là cái gì chứa đựng một loạt các sự xung đột, mâu thuẫn: mâu thuẫn giữa cái phổ biến và cái cá biệt; giữa nhất thể của nhiều thuộc tính trong sự vật với sự tồn tại “độc lập” của chúng như là các “chất liệu tự do”; giữa tồn tại “cho-mình” như cái **này**, cái **kia** với tồn tại như cái gì chỉ có thể có được trong quan hệ với những sự vật khác.

Do đó, bản tính tự nhiên của sự vật cũng chính là bản tính của **GIÁC TÍNH** cấu tạo nên nó; và trong giác tính, tất cả những mâu thuẫn, xung đột này luôn luôn hiện diện. (“Ở đây ý thức mới thực sự **bước vào** vương quốc của giác tính”).

130. Sự nguy biến của tri giác tìm cách tự cứu vãn bằng cách sử dụng các cách nói: “các **phương diện**” và “**trong chừng mực**”. Nó nói về đối tượng được tri giác khi thì “**trong chừng mực**” nó là **một** sự vật; khi thì “**trong chừng mực**” là nhiều thuộc tính; rồi “**trong chừng mực**” là tồn tại cho-mình; “**trong chừng mực**” quan hệ với những sự vật khác v.v.. Cần từ bỏ các cách nguy biến này đi. Chính tính phổ biến thuần túy của **KHÁI NIỆM (BEGRIFF)** [sản phẩm của cấp độ sau: giác tính] sẽ lộ diện như

là sự hợp nhất không thể tách rời giữa cái phổ biến, cái đặc thù và cái cá biệt; giữa cái độc lập và cái quan hệ với những cái khác.

131. “Giác tính” tri giác bị khống chế bởi những cái **“trừu tượng trống rỗng”**: tính cá biệt, tính phổ biến, cái bản chất, cái không bản chất... Trong khi đó, nó nhầm tưởng rằng mình đang được làm việc với những “chất liệu”, những “thực thể” nên khinh khi triết học chỉ biết làm việc với những **“vật-tư tưởng” (Gedankendinge)**. Nhưng, nếu giả thử nó biết thực sự làm việc với “những vật-tư tưởng”, tức những **khái niệm**, nó sẽ “làm chủ” được chúng (giống như triết học) chứ không để bị những cái “trừu tượng trống rỗng” ấy dẫn dắt từ sai lầm này đến sai lầm khác. Lăn quăn trong cấp độ tri giác, ý thức dù nhận rõ tính không-phải-chân lý của mình, cũng không đi đến được tính chân lý của sự vật.

CHÚ GIẢI DẪN NHẬP (§§111-131)

Từ Chương II này, phần Chú giải dẫn nhập, do khuôn khổ của nó, không thể tiếp tục đi vào phân tích chi ly như đã thử làm đối với Chương I, trái lại, tự giới hạn ở việc tóm tắt các ý chính, tìm hiểu một số **từ khó** và, nếu có thể, minh họa bằng một số ví dụ cho dễ hiểu. Bằng cách so sánh phần toát yếu với nguyên bản, bạn đọc có thể tự mình tái dựng lại các “bước” của tiến trình vận động biện chứng nơi mỗi hình thái của ý thức.

4. TRI GIÁC: “TRÒ CHƠI” CỦA NHỮNG CÁI TRỪU TƯỢNG:

4.1. §§ 111-127: Sự xác tín cảm tính (Chương I) đã cố gắng nắm lấy tính cá biệt của một sự vật như là sự xác tín của ý thức. Nhưng, như đã thấy, nó chỉ nói lên được sự vật **là** [“tồn tại”] chứ không nói được sự vật **ấy là gì**. Bây giờ, cái “tồn tại thuần túy” (= tồn tại đơn thuần) của hình thái ý thức đầu tiên đã được vượt qua. Sau sự kiểm tra “cái này” là gì nơi tự thân nó (an sich) và là gì cho-một-cái khác (für-ein-anderes) (hay “cho tôi”), sự xác tín cảm tính nhận ra rằng “cái này” (vd: vật đang ở trong tay tôi) thực ra là cái gì mang tính **phổ biến**, tức là một **khái niệm**, trong trường hợp này ví dụ là khái niệm quả chanh. Ta đồng ý rằng khái niệm “quả chanh” là phổ biến hơn nhiều so với “cái này” riêng lẻ “ở đây và bây giờ” trong tay tôi.

Trước đây, các giác quan cho ta biết cái gì đang tồn tại, nên hình thái đầu tiên của cái biết (xác tín cảm tính) là “**tiếp thu**”, “**thụ nhận**”. Bây giờ là hình thái thứ hai: ý thức liên hệ với sự vật trong tính phổ biến của nó; nó “**nắm lấy**” cái phổ biến như là “**sự thật**”, tức là “**tri giác**”, (theo nghĩa chiết tự của từ này trong tiếng Đức: Wahrnehmen: wahr: đúng thật; nehmen: nắm lấy), nhưng đồng thời vẫn “**bảo lưu**” kinh nghiệm [của sự xác tín] cảm tính và **nâng cao** nó lên đúng theo nghĩa của chữ “vượt bỏ” (Aufheben) vừa đề cập ở trên. (Xem: 3.4.3.2.f).

Trong tri giác, sự vật (với sự bảo lưu kinh nghiệm cảm tính) mới bắt đầu có góc cạnh, có “sự phong phú... của sự **phủ định**, [tức] sự phân biệt hay tính đa tạp nơi bản chất của nó” (§112) (sự phủ định: xem 3.4.3.2.a), vì sự vật “hiện nguyên hình” là cái gì **manh nhiều thuộc tính**; nói cách khác, ý thức tri giác nơi đối tượng những quy định, những sự phân biệt. Nó gán những thuộc tính nhất định cho “sự thật” của đối tượng, vì nếu không thế, sự vật vẫn tiếp tục là “không được quy định”, tức “không có thuộc tính” = tồn tại “thuần túy”.

Như thế, tư duy (ý thức) đã đi tới chỗ phân biệt **giữa đối tượng với** các thuộc tính của nó. Thật vậy, các thuộc tính tất yếu thuộc về một đối tượng phải được phân biệt với bản thân đối tượng (vd: vị chua, với tư cách thuộc tính tất yếu thuộc về quả chanh, phải được phân biệt với quả chanh, nhờ đó tôi mới có được khái niệm quả chanh). Ở giữa §113, Hegel viết: “**Tồn tại là một cái phổ biến nhờ có bên trong nó sự trung giới hay là sự phủ định**”. Câu quan trọng này mở ra cả tiến trình biện chứng của tri giác. Như đã có nói qua ở 3.4.32.a, câu này có nghĩa là: bất kỳ sự vật nào của tri giác cũng mang trong mình – hay phải chịu đựng – **một mâu thuẫn nội tại**. Nó là cái Một, trong chừng mực tự phân biệt với những sự vật khác (cái Một của

quả chanh là ở chỗ khác với những quả chanh khác và không phải là quả táo). Nhưng nó đồng thời cũng là một cái phổ biến, vì nó phân hóa ra “cho-tôi” (“cho-một-cái khác”) thành vô số tính quy định (quả chanh có các thuộc tính **phổ biến**, chẳng hạn vị chua là có chung nơi nhiều sự vật khác: dấm, quả khế...). Sự mâu thuẫn này được xem xét bằng hai bước: **giữa các thuộc tính với nhau** và **giữa đối tượng với bản thân các thuộc tính của nó**:

- **giữa các thuộc tính với nhau**: chúng vừa cho thấy như là “dừng dừng” với nhau: vd của Hegel: hạt muối là trắng, là mặn, đồng thời **cũng** có hình lập phương..., trong chừng mực đó, dường như chúng không mâu thuẫn với nhau và được Hegel gọi dễ hiểu là cái **CŨNG** dừng dừng, hay, khó hiểu hơn: **tính phổ biến khẳng định (positive Allgemeinheit)** (§§113-114). Nhưng bên cạnh đó, các thuộc tính lại cũng cho thấy một **tính phổ biến phủ định (negative Allgemeinheit)**: mặn loại trừ ngọt, vuông loại trừ tròn...
- **giữa đối tượng với các thuộc tính của nó**: chính sự mâu thuẫn ở đây làm cho tiến trình tri giác bị vấp ngã: có hai khả năng để xác định **bản chất** của một đối tượng, tức để **tri giác** nó (“nhắm lấy cái đúng thật”):
 - + **Khả năng 1**: bản chất của một đối tượng là **tính nhất thể** (tồn tại như là cái Một (**Einssein**)). Trong trường hợp này, sở dĩ đối tượng **xuất hiện ra** cho ý thức như là được phân hóa thành nhiều thuộc tính là do “sai lầm” của chủ thể tri giác.
 - + **Khả năng 2**: bản chất của đối tượng là **tính đa thể (Vielheit)** của các thuộc tính, vì các thuộc tính ấy – với tư cách là các cái phổ biến – cũng thuộc về những đối tượng khác. Vậy, cũng chính do “sai lầm” của chủ thể tri giác mới tập hợp cái đa tạp ấy thành một nhất thể.

Vậy khả năng nào đúng ? Tất nhiên, không khả năng nào đúng cả, vì sự đối lập giữa nhất thể/đa thể; cá biệt/phổ biến là mâu thuẫn thuộc về bản thân sự vật. Cuối §122, ông viết: “sự vật chứa đựng bên trong bản thân nó một [tính] chân lý **đối lập**”. Tri giác hình thành từ mối quan hệ đầy mâu thuẫn giữa sự vật và thuộc tính, giữa các thuộc tính với nhau. Rồi đối với cái “**toàn bộ của sự tri giác**”, ta lại thấy sự phát triển tiếp tục của các quan hệ đầy mâu thuẫn **giữa những sự vật với nhau**. Thông qua những thuộc tính khác nhau của mình, một sự vật vừa gắn liền, vừa tách biệt với những sự vật khác.

4.2. §§128-130: “Tồn-tại-tự-mình”; “Tồn-tại-cho-mình”: từ tất cả những vận động mâu thuẫn ấy, ý thức nhận ra mối quan hệ biện chứng giữa cái “tồn-tại-tự-mình” [cái bản chất] của sự vật với cái “tồn-tại-cho-mình” của nó. Đúng là thoát đầu có cái “tồn-tại-tự-mình” của đối tượng, nhưng rồi đã có nhiều mô-men (Momente) chủ quan được chủ thể tri giác đưa vào trong cái “tự mình” này: rằng nó là phổ biến, rằng tính phổ biến này khi thì có tính khẳng định, khi thì phủ định; và nhất là: tính nhất thể mang theo nó tính dị biệt v.v.. Theo nghĩa đó, có thể nói đối tượng cũng có một **đời sống riêng** “cho-mình” giống như một **chủ thể**. Nói cách khác: **Cái Tự-mình trở thành Cho-mình khi cái Tự-mình đã được chuyển hóa thành Khái niệm**.

Không thể không có cái Tự-mình của đối tượng, nhưng đối tượng chỉ có thể

được suy tưởng trong cái **tồn-tại-cho-mình** của nó. Đó là ý nghĩa của câu viết khá bí hiểm của Hegel ở đầu §128: “... **đối tượng, trong một và cùng một phương diện, là cái đối lập của chính nó; đối tượng là cho-mình, trong chừng mực nó tồn tại cho-cái khác, và tồn tại cho-cái khác, trong chừng mực là tồn-tại-cho-mình**”. Nói đơn giản hơn: sự vật **tách biệt** với sự vật khác chính là ở chỗ có **quan hệ** với sự vật khác ấy.

Nhân đây, ta nên làm quen sơ qua với mấy ý nghĩa cơ bản của các thuật ngữ riêng biệt này của **Hegel**, xét như các bộ phận cấu thành của tư duy biện chứng:

- “**Tồn tại-tự mình**” (**An-sich-Sein**): cái đang tồn tại; tồn tại trong sự tự tồn (**Bestehen**) đơn giản của nó; tồn tại đứng yên ở trong chính mình; cái đồng nhất với chính mình mà không có sự phản tư; những sự vật tự nhiên (gỗ, đá, thú vật...); cái bản chất của sự vật ⁽¹⁾.
- “**Tồn tại-cho cái khác**” (**Für-andere-Sein**): cái tồn tại-khác đối lập lại với cái cái Tự-mình, nhưng không có nghĩa là cái Tự mình trở thành sai lầm; sự phủ định thứ nhất đối với cái tồn tại-tự mình; sự xuất hiện ra (thành hiện tượng) của sự vật.

⁽¹⁾ Chữ “**tự-mình**” (**an sich**) trở thành thuật ngữ triết học từ **C. Wolff** để dịch chữ Hy Lạp “**Kath’hauto**” của **Aristote** (chỉ sự vật xét như là sự vật, một cách **tuyệt đối**, nghĩa là tách rời với quan hệ của nó với cái khác; vd: con ngựa chạy “**tự-mình**” (**Kath’hauto**), còn người cưỡi ngựa chỉ “chạy” theo) và để dịch “**mô thức**” hay “**ý niệm**” của **Platon** (vd: cái đẹp là đẹp **tự-mình**). Với **Kant**, vật-tự thân hay tự mình là sự vật thoát ly khỏi quan hệ của nó với nhận thức của ta và với phương thức nó xuất hiện ra như là hiện tượng cho ta. **Kant** cũng dùng chữ “**cho mình**” (**für sich**) trong trường hợp này: vật-tự thân hiện hữu “**cho mình, ở bên ngoài ta**” (tức độc lập). Theo nghĩa này, “**tự-mình**” không trái nghĩa với “**cho-mình**” (**für sich**) mà trái nghĩa với “**cho ta**” (**für uns**) hay “**ở trong ta**” (**in uns**).

Hegel thường dùng chữ “**tự mình**” trái nghĩa với “**cho mình**” và với “**tự mình và cho mình**”. Theo ông, một vật hữu tận chỉ có một bản tính nhất định là nhờ các mối quan hệ của nó với những sự vật khác hoặc nhờ sự phủ định đối với/hay bởi những sự vật khác. (“**Vật-tự thân**” của **Kant**, tách rời với nhận thức, cũng là hữu tận!). Như thế, một sự vật, xét về mặt tự mình, là không có tính quy định, cùng lắm là có tính chất ở dạng **tiềm năng** và tính chất này chỉ được **hiện thực hóa** do những mối quan hệ của nó với những sự vật khác. Vd: một đứa trẻ là có lý tính về mặt **tự-mình** nhưng chỉ là tiềm năng, chưa “**hiện thực**”, nghĩa là chưa “**cho một cái khác**” hay còn gọi là: chưa “**ở nơi nó**” (**an ihm**) (xem chú thích: (223)). Trong nghĩa này, “**tự mình**” không trái nghĩa với “**cho ta**” như cách hiểu trước: lý trí của đứa trẻ là “**cho ta**”, vì ta có thể thấy tiềm năng có lý tính nơi nó mà bản thân nó chưa biết. Cho nên, **Hegel** thường dùng cách nói: “**tự mình hay cho ta**” (**an sich oder für uns**) để chỉ một điều gì chỉ mới là tiềm năng, chưa được bản thân nó biết đến mà chỉ được ta (triết gia hay người quan sát) biết đến mà thôi. (Tất nhiên, ở đây, ta biết đứa trẻ về mặt “**tự mình**” không theo nghĩa “**tự thân**” của **Kant**, vì đứa trẻ không hoàn toàn cắt đứt mọi quan hệ với những sự vật khác để, từ một số biểu hiện “**hiện thực**” của nó, ta có thể suy ra những tiềm năng của nó).

- **“Tồn tại-cho mình” (Für-sich-Sein):** sự phủ định đối với cái phủ định thứ nhất: cái tự-mình bị phủ định và cái đối lập được phủ định của nó (cái tồn tại-cho cái khác) được nhận thức và thống nhất thành nhất thể. Cái tồn tại-cho mình vừa là sự phủ định, vừa là nhất thể được tạo ra bởi cái biết ở trong khái niệm; là cái gì được cái biết nắm bắt như thể đối tượng là một chủ thể; là cái Tự-mình được chủ thể nắm bắt ⁽¹⁾.

⁽¹⁾ Thuật ngữ **“tồn tại-cho mình”** phức tạp hơn vì có nhiều tầng ý nghĩa:

a) Vd: một người thợ may ở trong mối quan hệ với nhiều điều khác: nghề thợ may phải được thừa nhận như là một nghề, được phân biệt với những nghề khác (nếu ai cũng là thợ may thì không ai là thợ may cả!) và bản thân anh ta phải được thừa nhận như một thợ may. Như thế, anh ta tồn tại **“cho-cái khác”**. Nhưng, anh ta cũng là người thợ may **tự-mình** không theo nghĩa tiềm năng như nói ở trên mà là có những tài năng nhất định và có những đặc điểm để là một thợ may chứ không phải là một thợ mộc. Vậy, tồn tại như là “thợ may” là sự tương tác giữa tồn tại “tự mình” và tồn tại “cho cái khác”. Nhưng, anh ta còn là **một con người**, không đơn thuần là kẻ chỉ đóng một vai trò. Anh ta có thể giữ khoảng cách với vai trò người thợ may và suy tưởng về mình như là cái “Tôi cá nhân”. Khi làm như thế, anh ta không còn tồn tại “cho những người khác” nữa mà là **“cho-mình” (für sich)**, vì, tuy Tự-ý thức của anh ta có thể tiên-giả định sự thừa nhận của những người khác, nhưng “cái Tôi” thì không phải là một **vai trò**: bất kỳ ai cũng là một “cái Tôi”. Theo nghĩa ấy, cái Tôi không có tính chất nhất định: sự tồn tại của anh ta chỉ ở sự tồn tại **cho-mình**, có ý thức về chính mình, thoát ly hay cô lập với những người khác. (Trong “Khoa học lô-gíc”, Hegel còn xem cái “Một” – tức đơn vị hay nguyên tử – chỉ tồn tại **cho-mình** là nhờ dựa vào sự phân biệt số lượng chứ không dựa vào chất nhất định nào cả).

b) Tồn tại “cho-mình” là có ý thức về chính mình dẫn đến ý tưởng rằng: một thực thể có thể có những đặc điểm “tự-mình” nhưng không phải “cho-mình” (vd: đứa trẻ “tự mình” là có lý tính nhưng không phải “cho mình” vì nó **chưa ý thức** về điều ấy).

c) Khi một người không có ý thức về một đặc điểm của mình, đặc điểm ấy là chưa được phát triển hay chưa được hiện thực hóa hoàn toàn. Trong nghĩa ấy, “tự mình” và “cho-mình” có nghĩa là “tiềm năng” và “hiện thực” và có thể được áp dụng cho cả vật vô tri vô giác (vd: sự phát triển của một cái cây), không xét đến việc có ý thức hay không có ý thức. (Song trường hợp này, chữ “tự mình” thường đối lập với chữ “được thiết định”/“gesetzt” hơn là với chữ “cho-mình”). Một thực thể hiện thực (đã phát triển hoàn toàn) có đủ sự ổn định nội tại thì hiện hữu “cho-mình”, độc lập ở mức độ nào đó với những thực thể khác.

d) Con người có thể cảm thấy đã trở thành “cho mình” những gì vốn là “tự mình”, nhưng không phải lúc nào cũng được như thế. Người ấy tuy tồn tại “cho mình” nhờ vào hình ảnh do người khác tạo ra hay nhờ vào thành quả, công trình của mình, nhưng vẫn có thể **không nhận ra được chính mình** ở trong đó. Nghịch lý ở đây là: con người chỉ trở thành “cho mình” ở trong thành quả của mình nhưng đồng thời cần có thêm những điều kiện về nhận thức lẫn thực hành để tìm thấy chính mình hay tìm thấy “cái Tự mình” (“Bản chất”) của mình ở trong đó.

- **“Tồn tại-tự mình-và-cho mình” (An-und-für-sich-Sein):** hợp nhất cái “tự mình” và cái “cho mình”, ý nghĩa của nó giao động từ cái tồn tại-cho mình được thiết định như cái **Tự-mình mới** cho tới “Bản thể tinh thần” (geistige Substanz)⁽¹⁾.

4.3. §131: Hegel đi đến kết quả là: tri giác tuy có nâng cái biết cảm tính của ta lên một bước nhưng đồng thời bản thân nó bị “đẩy vào vòng xoáy” trong “trò chơi của những cái trừu tượng” [trống rỗng] (“tính phổ biến”, “tính cá biệt”, cái “Cũng”, cái “Một”...), không biết “kết hợp chúng lại và vượt bỏ chúng”, nên bị chúng dẫn dắt “từ sai lầm này đến sai lầm khác”. Đoạn §131 cho thấy sự bất lực của tri giác khi nó tìm cách “ra sức tránh né việc làm này [kết hợp chúng lại và vượt bỏ chúng] bằng cách bám chặt vào các chỗ dựa là sử dụng các cách nói “ngụy biện”: “trong chừng mực”, “các phương diện khác nhau”, hoặc là tự nhận trách nhiệm về một ý tưởng để **tách rời** ý tưởng ấy với những ý tưởng khác và duy trì nó như là ý tưởng đúng thật”.

ý thức cảm tính không dừng lại ở sự **“lẩn quẩn”** phiên diện của tri giác mà tiếp tục tiến lên để tìm cách **“giải thích”** đối tượng. Đó sẽ là công việc của Chương III: **Giác tính**.

⁽¹⁾ **“Tồn tại-tự mình và -cho mình”:** các ý tưởng trên về “tự mình” và “cho mình” dẫn đến “giai đoạn” thứ ba, hợp nhất chúng lại, với các ý nghĩa sau:

a) Người thợ may tự thoát ra khỏi vai trò nghề nghiệp của mình để suy tưởng về chính mình (phủ định), rồi tiến tới “hòa giải” chính mình với nghề nghiệp của mình (phủ định của phủ định) hoặc tìm một nghề khác để được tồn tại **“như ở trong nhà nơi chính mình” (bei sich sein)**;

b) Đứa trẻ có thể nỗ lực để đưa trình độ lý tính còn chưa hoàn thiện của mình đến chỗ phù hợp với cái “Tự-mình” (cái “bản chất”) của chính mình;

c) Sự phát triển là sự trở về lại với cái khởi đầu hay với cái “Tự mình” ở mức độ cao hơn. (Vd: cây cối lại tạo ra những hạt giống mới; tuổi già đi từ tính thích xung đột của tuổi trẻ trở lại với tính hòa nhiên, thân thiện của tuổi ấu thơ...);

d) “Tồn tại tự mình và cho mình” thường đồng nghĩa với **“tồn tại như trong nhà nơi chính mình” (Beisichsein)**, **“đi đến với chính mình (zu sich) ở trong cái khác”** hay **“ở trong chính mình” (in sich)**, **“đi vào trong chính mình” (in sich gehen)**, đối lập với **“bên ngoài chính mình”**, **“ra khỏi chính mình” (ausser sich)**. Theo nghĩa đó, nó tương tự với chữ **“tính vô tận” (Unendlichkeit)** (xem: chú thích 270). Tóm lại, chữ **“mình” (sich)** của Hegel có nhiều nghĩa mềm dẻo, biến hóa, cần xem xét và tìm hiểu tùy theo văn cảnh.